TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2019
V/v "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Châu Thị Kim Phượng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Mai Thị Thúy Hằng.
2. Ông Võ Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1985. *Có mặt.*
Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, TP. H.

- *Bị đơn:* Anh Võ Xuân T, sinh năm 1976. *Vắng mặt.*
Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Xuân T tự nguyện tìm hiểu, đi đến kết hôn vào ngày 29/12/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau được ba con chung thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Từ năm 2016 đến nay, anh chị không còn chung sống với nhau và anh T cũng không thăm nom hoặc trợ cấp nuôi con. Nay chị C nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có ba con chung tên là Võ Hoàng Thái T, sinh ngày 18/4/2011, Võ Hoàng Thiên P1, sinh ngày 20/01/2014 và Võ Hoàng Thiên P2, sinh ngày 20/01/2014. Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng được nuôi các con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Võ Xuân T, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác, cố tình không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, anh T không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Mỹ C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn - anh Võ Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Mỹ C có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Võ Xuân T, địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện S, tỉnh Q. Nay, chị C khởi kiện xin ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 328 ngày 29 tháng 12 năm 2009. Quá trình giải quyết vụ án, chị C cho rằng trong thời gian chung sống chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2016 đến nay vợ chồng chị không còn chung sống, không còn quan tâm nhau. Tại biên bản xác minh ngày 25/01/2019, ông Phan Văn T - Trưởng thôn P, xã Q, huyện S, tỉnh Q xác nhận chị C và anh T không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến về việc giải quyết vụ án, không tham gia các phiên hòa giải theo các Thông báo của Tòa án. Tại các phiên tòa, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do, chị C vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị C và anh T có ba con chung tên là Võ Hoàng Thái T, sinh ngày 18/4/2011, Võ Hoàng Thiên P1 và Võ Hoàng Thiên P2 cùng sinh ngày 20/01/2014. Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng tất cả ba con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến về việc ly hôn, xin nuôi con của chị C và không hợp tác, thể hiện sự không quan tâm đến con cái. Tại bản tự khai, cháu Võ Hoàng Thái T có nguyện vọng được ở với mẹ. Tại biên bản xác minh ngày 25/01/2019, ông Phan Văn T xác định: "Anh T, chị C có 03 con chung hiện nay đều theo chị C sống ở miền N". Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, chị C tiếp tục có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng tất cả ba cháu. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị C, giao các cháu Võ Hoàng Thái T, Võ Hoàng Thiên P1, Võ Hoàng Thiên P2 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở phù hợp với Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ C về việc *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Võ Xuân T.

2. Về con chung: Giao các cháu Võ Hoàng Thái T, sinh ngày 18/4/2011, Võ Hoàng Thiên P1, sinh ngày 20/01/2014 và Võ Hoàng Thiên P2, sinh ngày 20/01/2014 cho chị Nguyễn Thị Mỹ C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*. Anh Võ Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị C đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006827 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã T, huyện C, TP.H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phượng